

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-36

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 29/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/08/2016
Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/08/2016
Ông Nguyễn Hoa Cương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/08/2016
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/08/2016
Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/08/2016
Ông Nguyễn Đình Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2016
Ông Đoàn Văn Quý	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2016
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/10/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 153/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Hoàng Anh Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 12 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



*Phạm Anh Tuấn*

*Nguyễn Tuấn Anh*

**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2013-002-1

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

05-C  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
HÃNG KIỂM TOÁN  
AASC  
HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>349.891.188.631</b>	<b>267.523.653.553</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>108.489.035.235</b>	<b>28.412.800.207</b>
111	1. Tiền		50.874.035.235	23.412.800.207
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.615.000.000	5.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>57.100.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.300.000.000	57.100.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>107.945.257.856</b>	<b>112.415.506.788</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	101.595.445.546	95.822.384.809
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.459.910.663	6.658.915.428
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.869.923.634	988.116.226
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(980.021.987)	(1.053.909.675)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>111.362.378.709</b>	<b>68.786.021.041</b>
141	1. Hàng tồn kho		112.086.119.486	68.786.021.041
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(723.740.777)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.794.516.831</b>	<b>809.325.517</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	55.951.036	258.741.651
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.656.652.694	550.583.866
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	81.913.101	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>278.263.540.515</b>	<b>262.391.263.734</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>75.738.774.831</b>	<b>55.432.724.644</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	74.551.032.540	55.394.391.303
222	- Nguyên giá		156.056.018.077	130.522.994.431
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.504.985.537)	(75.128.603.128)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.187.742.291	38.333.341
228	- Nguyên giá		1.286.081.111	75.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(98.338.820)	(36.666.659)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>600.369.850</b>	<b>5.649.126.932</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	600.369.850	5.649.126.932
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>199.744.829.336</b>	<b>199.744.829.336</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		19.902.634.227	19.902.634.227
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		179.842.195.109	179.842.195.109
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.179.566.498</b>	<b>1.564.582.822</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.179.566.498	1.564.582.822
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>628.154.729.146</b>	<b>529.914.917.287</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>150.567.009.862</b>	<b>116.053.336.171</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>143.373.796.296</b>	<b>110.039.752.567</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	51.322.840.794	35.862.865.269
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	3.885.077.054	2.785.742.100
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.834.432.106	2.003.601.669
314	4. Phải trả người lao động		15.636.970.415	13.319.326.418
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.593.402.706	379.679.906
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	252.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.412.949.078	28.195.862.967
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	46.548.779.435	14.138.593.440
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	14.037.627.433	10.361.388.185
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.101.717.275	2.740.692.613
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.193.213.566</b>	<b>6.013.583.604</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	20	5.556.213.566	4.376.583.604
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.637.000.000	1.637.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>477.587.719.284</b>	<b>413.861.581.116</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>475.995.500.603</b>	<b>413.091.569.089</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		368.000.000.000	322.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		368.000.000.000	322.450.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	152.595.945
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.200.042.131	3.200.042.131
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		106.232.275.127	88.878.343.613
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		18.065.784.613	48.941.421.575
421b	LNST chưa phân phối năm nay		88.166.490.514	39.936.922.038
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>1.592.218.681</b>	<b>770.012.027</b>
431	1. Nguồn kinh phí		(25.923.000)	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.618.141.681	770.012.027
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>628.154.729.146</b>	<b>529.914.917.287</b>



*[Signature]*

Lê Thanh Hải  
Người lập

*[Signature]*

Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng

*[Signature]*

Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	662.502.385.928	498.550.060.767
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	3.691.060.812	2.427.600.329
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		658.811.325.116	496.122.460.438
11	4. Giá vốn hàng bán	25	576.802.792.058	426.841.813.842
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.008.533.058	69.280.646.596
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	67.293.182.975	59.056.622.693
22	7. Chi phí tài chính	27	3.130.433.161	2.407.785.853
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.378.580.972	1.244.445.476
25	8. Chi phí bán hàng	28	18.179.158.839	20.694.739.109
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	33.691.524.133	28.331.719.189
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		94.300.599.900	76.903.025.138
31	11. Thu nhập khác	30	1.284.814.530	1.200.666.864
32	12. Chi phí khác	31	880.370.452	935.987.746
40	13. Lợi nhuận khác		404.444.078	264.679.118
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		94.705.043.978	77.167.704.256
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	6.538.553.464	5.141.412.218
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>88.166.490.514</b>	<b>72.026.292.038</b>

  
Lê Thanh Hải  
Người lập

  
Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		94.705.043.978	77.167.704.256
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.621.838.745	6.561.710.565
03	- Các khoản dự phòng		5.505.722.299	3.349.234.378
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(18.103.571)	32.438.787
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(66.263.174.574)	(58.658.130.378)
06	- Chi phí lãi vay		2.378.580.972	1.244.445.476
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		43.929.907.849	29.697.403.084
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(10.666.128.635)	5.496.327.247
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(43.300.098.445)	(38.037.457.757)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		24.148.959.628	15.774.605.780
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(412.193.061)	(402.801.963)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.228.693.572)	(1.312.959.192)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.055.249.044)	(4.744.716.720)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.142.276.795	1.049.838.094
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.596.353.833)	(1.909.651.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.962.427.682	5.610.587.482
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.482.862.327)	(20.236.742.079)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		201.963.696	217.580.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(27.628.679.556)	(77.493.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		74.428.679.556	93.021.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		66.729.047.862	58.980.981.554
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		94.248.149.231	54.489.819.475
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		154.881.267.784	77.030.064.556
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(122.471.081.789)	(74.121.071.116)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(49.544.946.500)	(49.932.965.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17.134.760.505)	(47.023.971.560)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		80.075.816.408	13.076.435.397

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG


Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.412.800.207	15.335.954.247
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		418.620	410.563
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>108.489.035.235</u>	<u>28.412.800.207</u>



Lê Thanh Hải

Người lập 





Nguyễn Thị Thanh Yên

Kế toán trưởng

Hoàng Anh Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

110011110  
CÔNG T  
RÁCH NHIỆM HỮ  
ANG KIỂM T  
AASC  
IN KIỂM - TP

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 29/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 368.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 368.000.000.000 đồng; tương đương 36.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, sản phẩm chủ yếu của công ty là các loại động cơ điện, máy phát điện, thiết bị điện.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong năm 2016, Công ty ký kết thêm được nhiều hợp đồng có giá trị lớn cung cấp máy biến áp và Board mạch điện tử cho các khách hàng truyền thống. Điều này dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng đột biến so với năm trước đồng thời lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cũng tăng đáng kể so với năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

117  
ÔNG  
HỮU  
NG K  
A  
DAN

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 15 - 45 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 07 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 12 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 06 năm |
| - Phần mềm quản lý                | 03 - 06 năm |

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.





Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

## **2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.18 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	399.272.548	2.247.295.395
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.474.762.687	21.165.504.812
Các khoản tương đương tiền	57.615.000.000	5.000.000.000
	<b>108.489.035.235</b>	<b>28.412.800.207</b>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5%/năm đến 5,3%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	20.300.000.000	20.300.000.000	57.100.000.000	57.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.300.000.000	20.300.000.000	57.100.000.000	57.100.000.000
	<b>20.300.000.000</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>57.100.000.000</b>	<b>57.100.000.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày	Số tiền	Thời hạn	Lãi suất
		VND		
SHB Cầu Diễn	30/06/2016	5.000.000.000	6 tháng	5,60%
SHB Cầu Diễn	30/06/2016	5.000.000.000	6 tháng	5,60%
SHB Cầu Diễn	16/08/2016	6.000.000.000	6 tháng	5,70%
SHB Cầu Diễn	16/08/2016	4.300.000.000	6 tháng	5,70%
		<b>20.300.000.000</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>19.902.634.227</b>	-	<b>19.902.634.227</b>	-
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	10.277.743.006	-	10.277.743.006	-
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	9.624.891.221	-	9.624.891.221	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>179.842.195.109</b>	-	<b>179.842.195.109</b>	-
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	179.842.195.109	-	179.842.195.109	-
	<b>199.744.829.336</b>	-	<b>199.744.829.336</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>19.902.634.227</b>	-	<b>19.902.634.227</b>	-
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	10.277.743.006	-	10.277.743.006	-
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	9.624.891.221	-	9.624.891.221	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>179.842.195.109</b>	-	<b>179.842.195.109</b>	-
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	179.842.195.109	-	179.842.195.109	-
	<b>199.744.829.336</b>	-	<b>199.744.829.336</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	599.349.549	11.629.809.343
- Công ty cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	27.671.454.321	26.299.068.318
- Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội	7.411.265.599	8.300.569.447
- Công ty Điện lực Sơn La	9.459.050.094	314.265.333
- Công ty Điện lực Nam Định	8.368.420.772	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	48.085.905.211	49.278.672.368
	<b>101.595.445.546</b>	<b>95.822.384.809</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Whole Shine	-	-	5.067.599.250	-
- Công ty TNHH Nidec ASI S.p.A	1.113.113.160	-	1.055.040.878	-
- Jinhua Jiangtian Import and Export Co.,ltd	2.391.657.488	-	-	-
- Pingxiang New Hope Foreign Trade Co., ltd	621.825.660	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.333.314.355	-	536.275.300	-
	<b>5.459.910.663</b>	<b>-</b>	<b>6.658.915.428</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.460.486	-	22.122.222	-
Phải thu người lao động	42.302.992	-	9.151.710	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	558.555	-	-	-
Tạm ứng	1.064.674.190	-	707.898.185	-
Ký cược, ký quỹ	702.927.411	-	176.445.909	-
Phải thu khác	-	-	72.498.200	-
	<b>1.869.923.634</b>	<b>-</b>	<b>988.116.226</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ khí Phong Anh	265.400.036	265.400.036	265.400.036	265.400.036
- Công ty Cổ phần xây lắp Hồng Hà	165.145.000	165.145.000	165.145.000	165.145.000
- Công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 4	440.155.150	440.155.150	470.122.950	470.122.950
- Các khoản khác	109.321.801	109.321.801	153.241.689	153.241.689
	<b>980.021.987</b>	<b>980.021.987</b>	<b>1.053.909.675</b>	<b>1.053.909.675</b>

(\*) Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định trên cơ sở xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.725.274.342	-	38.344.113.816	-
Công cụ, dụng cụ	555.944.852	-	422.870.319	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.404.030.731	-	5.015.267.096	-
Thành phẩm	45.565.117.580	(723.740.777)	23.862.792.280	-
Hàng hoá	835.751.981	-	1.140.977.530	-
	<b>112.086.119.486</b>	<b>(723.740.777)</b>	<b>68.786.021.041</b>	<b>-</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Mua sắm tài sản cố định	600.369.850	5.649.126.932
- Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous (*)	600.369.850	5.243.205.244
- Lò sấy điện trở 90W	-	316.682.486
- Hệ thống hút bụi	-	89.239.202
	<b>600.369.850</b>	<b>5.649.126.932</b>

(\*) Dự án đầu tư sản xuất máy biến áp siêu giảm tổn thất sử dụng lõi tôn vô định hình (Amorphous) công suất đến 2000KVA bằng nguồn vốn tự có với tổng giá trị đầu tư lên tới 25 tỷ đồng bắt đầu từ tháng 4/2015 và cơ bản đã hoàn thành trong năm 2016. Giá trị còn lại chưa tạm tăng Tài sản cố định chủ yếu là các chi phí lắp đặt vận hành, thử nghiệm thông số và một số chi phí chung khác đang chờ quyết toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	50.215.855.830	64.891.463.765	14.100.658.446	1.315.016.390	130.522.994.431
- Mua trong năm	-	24.288.186.763	2.894.429.279	-	27.182.616.042
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	350.298.337	-	-	350.298.337
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.999.890.733)	-	-	(1.999.890.733)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.215.855.830</b>	<b>87.530.058.132</b>	<b>16.995.087.725</b>	<b>1.315.016.390</b>	<b>156.056.018.077</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	21.157.918.313	43.223.435.462	9.519.370.721	1.227.878.632	75.128.603.128
- Khấu hao trong năm	1.605.500.028	4.940.722.879	1.096.717.131	46.518.192	7.689.458.230
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.313.075.821)	-	-	(1.313.075.821)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.763.418.341</b>	<b>46.851.082.520</b>	<b>10.616.087.852</b>	<b>1.274.396.824</b>	<b>81.504.985.537</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	29.057.937.517	21.668.028.303	4.581.287.725	87.137.758	55.394.391.303
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>27.452.437.489</b>	<b>40.678.975.612</b>	<b>6.378.999.873</b>	<b>40.619.566</b>	<b>74.551.032.540</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.545.284.326 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	75.000.000	-	75.000.000
- Mua trong năm	966.600.000	244.481.111	1.211.081.111
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.041.600.000</b>	<b>244.481.111</b>	<b>1.286.081.111</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	36.666.659	-	36.666.659
- Khấu hao trong năm	24.999.996	36.672.165	61.672.161
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>61.666.655</b>	<b>36.672.165</b>	<b>98.338.820</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	38.333.341	-	38.333.341
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>979.933.345</b>	<b>207.808.946</b>	<b>1.187.742.291</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	55.951.036	258.741.651
	<b>55.951.036</b>	<b>258.741.651</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.057.956.446	327.000.888
Chi phí sửa chữa tài sản	1.121.610.052	1.237.581.934
	<b>2.179.566.498</b>	<b>1.564.582.822</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Trường Giang	3.486.069.532	3.486.069.532	4.747.786.912	4.747.786.912
Công ty TNHH Ánh Dương	10.471.723.114	10.471.723.114	8.102.646.921	8.102.646.921
Công ty TNHH Ánh Dương Hoà Bình	5.905.828.500	5.905.828.500	3.763.959.375	3.763.959.375
Công ty TNHH Chế tạo máy biến áp điện lực Hà Nội	5.313.848.000	5.313.848.000	-	-
Công ty TNHH Hòa Phát Hà Nam	6.037.784.026	6.037.784.026	-	-
Phải trả các đối tượng khác	20.107.587.622	20.107.587.622	19.248.472.061	19.248.472.061
	<b>51.322.840.794</b>	<b>51.322.840.794</b>	<b>35.862.865.269</b>	<b>35.862.865.269</b>

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo đối tượng có số dư lớn</b>		
- Đại lý sản phẩm Phạm Văn Nhân	-	950.202.063
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thép Hoà Phát	-	440.550.000
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bơm EBARA Việt Nam	-	457.050.000
- Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	1.029.684.239	-
- Các đối tượng khác trả tiền trước	2.855.392.815	937.940.037
	<b>3.885.077.054</b>	<b>2.785.742.100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	31.487.703.594	31.487.703.594	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	289.894.858	371.807.959	81.913.101	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.934.401.309	6.695.409.714	7.055.249.044	-	1.574.561.979
Thuế Thu nhập cá nhân	-	69.200.360	1.411.439.889	1.220.770.122	-	259.870.127
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	4.216.524.145	4.216.524.145	-	-
Các loại thuế khác	-	-	22.482.515	22.482.515	-	-
	-	<b>2.003.601.669</b>	<b>44.123.454.715</b>	<b>44.374.537.379</b>	<b>81.913.101</b>	<b>1.834.432.106</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	346.895.306	197.007.906
- Trích trước chi phí thí nghiệm máy biến áp	1.952.642.400	-
- Chi phí phải trả khác	293.865.000	182.672.000
	<b>2.593.402.706</b>	<b>379.679.906</b>

**18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	29.575.700	23.024.566
- Bảo hiểm xã hội	-	381.473.401
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	700.000.000	700.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.977.500	27.091.365.000
- Phải trả tiền lương tháng 12	2.659.057.678	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.338.200	-
	<b>3.412.949.078</b>	<b>28.195.862.967</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>14.138.593.440</b>	<b>14.138.593.440</b>	<b>154.881.267.784</b>	<b>122.471.081.789</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>46.548.779.435</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (1)	5.091.823.440	5.091.823.440	40.443.010.601	43.492.521.641	2.042.312.400	2.042.312.400
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	-	-	3.543.028.170	3.543.028.170	-	-
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	33.384.728.178	33.384.728.178	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (3)	1.300.000.000	1.300.000.000	1.632.000.000	1.660.000.000	1.272.000.000	1.272.000.000
- Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	50.000.000	50.000.000	-	50.000.000	-	-
- Cán bộ công nhân viên (4)	7.696.770.000	7.696.770.000	17.887.863.000	15.273.500.000	10.311.133.000	10.311.133.000
	<b>14.138.593.440</b>	<b>14.138.593.440</b>	<b>154.881.267.784</b>	<b>122.471.081.789</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>46.548.779.435</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 13/2016-HĐTDHM/NHCT146-HEM ngày 15/07/2016 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC thanh toán bằng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 15/07/2017;
  - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ, trong năm 2016 là 5,5%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo một phần bằng tài sản;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016: 2.042.312.400 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 130000478734 ngày 30/08/2016 của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng Khế ước vay nhưng không quá 04 tháng kể từ ngày rút vốn;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ, trong năm 2016 là 4,55%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không thế chấp tài sản;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016: 32.923.334.035 đồng.
- (3) Hợp đồng vay vốn giữa Công ty và Công đoàn năm 2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 1.632.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
  - + Lãi suất cho vay: từ 5,5/năm đến 6%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016: 1.272.000.000 đồng.
- (4) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

**20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	14.037.627.433	10.361.388.185
	<b>14.037.627.433</b>	<b>10.361.388.185</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	5.556.213.566	4.376.583.604
	<b>5.556.213.566</b>	<b>4.376.583.604</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>322.450.000.000</b>	<b>152.595.945</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>2.700.042.131</b>	<b>95.166.539.575</b>	<b>418.879.765.051</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	72.026.292.038	72.026.292.038
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	500.000.000	(1.300.000.000)	(800.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(44.925.118.000)	(44.925.118.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	(32.089.370.000)	(32.089.370.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>322.450.000.000</b>	<b>152.595.945</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>3.200.042.131</b>	<b>88.878.343.613</b>	<b>413.091.569.089</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>322.450.000.000</b>	<b>152.595.945</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>3.200.042.131</b>	<b>88.878.343.613</b>	<b>413.091.569.089</b>
Tăng vốn trong năm nay	45.550.000.000	-	-	-	(45.550.000.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	88.166.490.514	88.166.490.514
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
Chi cổ tức	-	-	-	-	(22.462.559.000)	(22.462.559.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>152.595.945</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>3.200.042.131</b>	<b>106.232.275.127</b>	<b>475.995.500.603</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 10/2016/ĐHĐCĐ ngày 01/03/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100,00%	88.878.343.613
Bổ sung vốn kinh doanh (*)	51,25%	45.550.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	3,15%	2.800.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ) (*)	25,27%	22.462.559.000
Lợi nhuận chưa phân phối	20,33%	18.065.784.613

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông năm 2016, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 17% vốn điều lệ, trong đó đã tạm ứng năm 2015 là 10%, đồng thời chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 45,55 tỷ đồng tương ứng 14,19535%. Tại ngày 04/04/2016 Công ty đã nhận được Thông báo số 1600/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc phát hành thành công cổ phiếu để trả cổ tức, số lượng cổ phiếu phân phối là 4.555.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Cổ phần				
Thiết bị Điện Việt Nam	65,88%	242.422.450.000	65,84%	212.287.500.000
Công đoàn Công ty	2,98%	10.962.750.000	2,98%	9.600.000.000
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	0,31%	1.141.950.000	0,31%	1.000.000.000
Các cổ đông khác	30,41%	111.916.550.000	30,39%	98.006.200.000
Cổ phiếu quỹ	0,42%	1.556.300.000	0,48%	1.556.300.000
	<b>100%</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>322.450.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	368.000.000.000	322.450.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	322.450.000.000	322.450.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	45.550.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	368.000.000.000	322.450.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.800.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.800.000	32.245.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.800.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	155.630	155.630
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.644.370	32.089.370
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.644.370	32.089.370
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.200.042.131	3.200.042.131
	<b>3.200.042.131</b>	<b>3.200.042.131</b>

110  
 ĐNG T  
 NIỆM  
 G KIẾ  
 AA  
 N KIẾ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.061,97	5.475,46

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
	3.706.210.146	3.706.210.146

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	384.265.031.731	270.732.234.864
Doanh thu bán hàng hóa	243.716.242.608	177.789.579.463
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.521.111.589	50.028.246.440
	<u><b>662.502.385.928</b></u>	<u><b>498.550.060.767</b></u>

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	3.691.060.812	2.427.600.329
	<u><b>3.691.060.812</b></u>	<u><b>2.427.600.329</b></u>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	311.612.725.381	219.458.305.681
Giá vốn của hàng hóa đã bán	236.083.578.691	172.264.388.900
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.382.747.209	35.119.119.261
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	723.740.777	-
	<u><b>576.802.792.058</b></u>	<u><b>426.841.813.842</b></u>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.102.968.526	4.697.019.041
Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.663.417.600	54.164.324.800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	508.693.278	195.278.852
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.103.571	-
	<u><b>67.293.182.975</b></u>	<u><b>59.056.622.693</b></u>

C.T.P.  
KẾ TOÁN  
TP. HN



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.378.580.972	1.244.445.476
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	462.559.263	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	289.292.926	1.130.901.590
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	32.438.787
	<b>3.130.433.161</b>	<b>2.407.785.853</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	629.112.284	653.536.864
Chi phí nhân công	1.302.998.303	1.044.887.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	191.207.536	210.494.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.720.029.261	5.202.169.811
Chi phí khác bằng tiền	5.010.150.949	9.800.276.693
Chi phí bảo hành	5.325.660.506	3.783.374.343
	<b>18.179.158.839</b>	<b>20.694.739.109</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.411.886.293	1.517.481.123
Chi phí nhân công	15.560.217.158	12.129.854.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	986.822.418	1.018.231.097
Thuế, phí, lệ phí	43.026.515	7.233.471
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(73.887.688)	23.039.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.266.942.768	2.923.357.897
Chi phí khác bằng tiền	10.496.516.669	10.712.520.860
	<b>33.691.524.133</b>	<b>28.331.719.189</b>

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.215.000.000	1.174.500.000
Thu nhập khác	69.814.530	26.166.864
	<b>1.284.814.530</b>	<b>1.200.666.864</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	503.211.552	203.213.463
Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng	-	504.531.586
Các khoản bị phạt thuế, truy thu thuế, phạt hành chính	352.158.900	226.228.959
Chi phí khác	25.000.000	2.013.738
	<b>880.370.452</b>	<b>935.987.746</b>

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94.705.043.978	77.167.704.256
Các khoản điều chỉnh tăng	2.652.058.517	371.693.007
- Chi phí không hợp lệ	2.651.559.561	371.693.007
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	498.956	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(64.664.335.176)	(54.169.341.727)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(64.663.417.600)	(54.164.324.800)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(917.576)	(410.563)
- Giảm thuế TNDN phải đóng năm 2013 theo QĐ thanh tra thuế	-	(4.606.364)
Thu nhập chịu thuế TNDN	32.692.767.319	23.370.055.536
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.538.553.464</b>	<b>5.141.412.218</b>

Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	156.856.250	(4.606.364)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.934.401.309	1.542.312.175
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(7.055.249.044)	(4.744.716.720)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.574.561.979</b>	<b>1.934.401.309</b>

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	331.462.676.387	225.860.854.158
Chi phí nhân công	51.593.811.532	44.586.171.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.621.838.745	6.561.236.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.050.658.765	13.561.739.032
Chi phí khác bằng tiền	24.537.508.366	28.532.323.079
	<b>436.266.493.795</b>	<b>319.102.324.599</b>

  
**CÔNG**  
**CH NHIỆM**  
**NG KIỂM**  
**AAS**  
**VI KIỂM**

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	108.489.035.235	-	28.412.800.207	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	103.465.369.180	(980.021.987)	96.810.501.035	(1.053.909.675)
Các khoản cho vay	20.300.000.000	-	67.100.000.000	-
	<b>232.254.404.415</b>	<b>(980.021.987)</b>	<b>192.323.301.242</b>	<b>(1.053.909.675)</b>
			Giá trị số kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			46.548.779.435	14.138.593.440
Phải trả người bán, phải trả khác			54.735.789.872	64.058.728.236
Chi phí phải trả			2.593.402.706	379.679.906
			<b>103.877.972.013</b>	<b>78.577.001.582</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.489.035.235	-	-	108.489.035.235
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.485.347.193	-	-	102.485.347.193
Các khoản cho vay	20.300.000.000	-	-	20.300.000.000
	<b><u>231.274.382.428</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>231.274.382.428</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.412.800.207	-	-	28.412.800.207
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.756.591.360	-	-	95.756.591.360
Các khoản cho vay	67.100.000.000	-	-	67.100.000.000
	<b><u>191.269.391.567</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>191.269.391.567</u></b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	46.548.779.435	-	-	46.548.779.435
Phải trả người bán, phải trả khác	54.735.789.872	-	-	54.735.789.872
Chi phí phải trả	2.593.402.706	-	-	2.593.402.706
	<b>103.877.972.013</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>103.877.972.013</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	14.138.593.440	-	-	14.138.593.440
Phải trả người bán, phải trả khác	64.058.728.236	-	-	64.058.728.236
Chi phí phải trả	379.679.906	-	-	379.679.906
	<b>78.577.001.582</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>78.577.001.582</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh máy biến áp, linh kiện thiết bị điện và chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



**37 . . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2015 Công ty chưa thực hiện bù trừ giữa thu nhập và chi phí thanh lý tài sản cố định khi trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015. Do đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu này trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 để đảm bảo số liệu có tính chất so sánh với năm 2016.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại VND</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND</u>
<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Thu nhập khác	31	1.200.666.864	1.398.466.864
Chi phí khác	32	935.987.746	1.133.787.746

  
**Lê Thanh Hải**  
 Người lập 

  
**Nguyễn Thị Thanh Yên**  
 Kế toán trưởng

  
**Hoàng Anh Dũng**  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

